

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556

ngày 16 tháng 1 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 16 tháng 1 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Phổ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Trí	Thành viên
Ông Phạm Văn Tân	Thành viên
Ông Đào Ngọc Phương	Thành viên
Bà Đoàn Thị Xuân	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Bùi Đình Thành	Trưởng ban <i>(từ ngày 8 tháng 5 năm 2014)</i>
Bà Nguyễn Thị Huệ	Trưởng ban <i>(đến ngày 8 tháng 5 năm 2014)</i>
Ông Phan Hữu Phú	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên

Ban điều hành

Ông Nguyễn Đức Trí	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thùy Oanh	Phó Tổng Giám đốc
	<i>(từ ngày 21 tháng 7 năm 2014)</i>
	Giám đốc điều hành
	<i>(đến ngày 21 tháng 7 năm 2014)</i>
Bà Trần Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc
	<i>(từ ngày 21 tháng 7 năm 2014)</i>
	Giám đốc điều hành
	<i>(đến ngày 21 tháng 7 năm 2014)</i>
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Phó Tổng Giám đốc
	<i>(từ ngày 21 tháng 7 năm 2014)</i>
	Giám đốc điều hành
	<i>(đến ngày 21 tháng 7 năm 2014)</i>
Ông Nguyễn Văn Phước	Phó Tổng Giám đốc
	<i>(đến ngày 28 tháng 2 năm 2014)</i>
Ông Đinh Duy Tường	Phó Tổng Giám đốc
	<i>(đến ngày 31 tháng 5 năm 2014)</i>
Ông Phạm Ngọc Trung	Giám đốc điều hành
	<i>(từ ngày 21 tháng 7 năm 2014)</i>
Ông Bùi Đình Thành	Giám đốc điều hành <i>(đến tháng 5 năm 2014)</i>
Ông Nguyễn Văn Cường	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

36 Phố Ông Ích Đường
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Ban điều hành



Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 3 năm 2015, trừ việc điều chỉnh lại và trình bày bổ sung thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất như được trình bày tại Thuyết minh 35 và 3(t) được phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 10 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2015, trừ việc điều chỉnh lại và trình bày bổ sung thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất như được trình bày tại Thuyết minh 35 và 3(t) được phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 10 năm 2016 được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc tới Thuyết minh 35 của báo cáo tài chính hợp nhất, theo đó, sau khi phát hành báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 vào ngày 20 tháng 3 năm 2015, Ban điều hành Tổng Công ty đã đánh giá lại và quyết định điều chỉnh lại và trình bày bổ sung thuyết minh về báo cáo bộ phận, như được trình bày tại Thuyết minh 35 và 3(t).

Trước đây, vào ngày 26 tháng 3 năm 2015, chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán số 14-02-239-c về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2015.

Đối với báo cáo kiểm toán này, trừ các thủ tục kiểm toán đến ngày 12 tháng 10 năm 2016 để đánh giá sự phù hợp của Thuyết minh 35 và 3(t) được điều chỉnh và trình bày bổ sung, chúng tôi không thực hiện bất kỳ thủ tục kiểm toán bổ sung nào khác kể từ ngày phát hành báo cáo kiểm toán trước đây là ngày 26 tháng 3 năm 2015.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 14-02-239-c/1



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2015, trừ việc điều chỉnh lại và trình bày bổ sung thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất như được trình bày tại Thuyết minh 35 và 3(t), ngày 12 tháng 10 năm 2016

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		810.620.075.017	558.085.788.540
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	48.335.013.594	19.317.669.722
Tiền	111		16.435.013.594	15.302.669.722
Các khoản tương đương tiền	112		31.900.000.000	4.015.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	3.300.000.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		3.300.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	299.300.824.178	188.444.794.267
Phải thu khách hàng	131		281.801.744.090	180.148.344.867
Trả trước cho người bán	132		10.494.257.970	6.860.641.845
Các khoản phải thu khác	135		7.930.779.575	2.898.459.304
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(925.957.457)	(1.462.651.749)
Hàng tồn kho	140	7	419.442.014.719	324.581.117.855
Hàng tồn kho	141		420.023.314.209	324.587.369.445
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(581.299.490)	(6.251.590)
Tài sản ngắn hạn khác	150		40.242.222.526	25.742.206.696
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.729.395.939	4.581.945.987
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		34.637.172.556	18.548.032.241
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	154		64.803.990	300.325.988
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.810.850.041	2.311.902.480
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260 + 269)	200		473.221.541.528	416.837.075.624
Tài sản cố định	220		437.201.513.605	384.736.509.259
Tài sản cố định hữu hình	221	8	428.783.719.620	368.972.377.817
Nguyên giá	222		864.707.736.359	724.970.740.740
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(435.924.016.739)	(355.998.362.923)
Tài sản cố định vô hình	227	9	911.378.631	1.134.936.700
Nguyên giá	228		4.185.205.624	3.699.765.643
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.273.826.993)	(2.564.828.943)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	7.506.415.354	14.629.194.742
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	15.611.217.113	19.471.879.085
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		4.905.515.113	8.766.177.085
Đầu tư dài hạn khác	258		10.705.702.000	10.705.702.000
Tài sản dài hạn khác	260		19.498.247.290	11.578.037.065
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	19.498.247.290	11.578.037.065
Lợi thế thương mại	269	13	910.563.520	1.050.650.215
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.283.841.616.545	974.922.864.164

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		994.683.040.237	717.917.286.041
Nợ ngắn hạn	310		823.934.780.661	562.975.802.163
Vay và nợ ngắn hạn	311	14	479.853.662.856	362.373.848.978
Phải trả người bán	312		201.971.642.554	92.310.780.717
Người mua trả tiền trước	313		1.103.649.673	7.080.672.545
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	5.556.187.595	5.297.933.177
Phải trả người lao động	315		108.128.046.236	68.939.000.502
Chi phí phải trả	316	16	6.615.928.121	12.527.105.095
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	13.069.882.424	11.100.119.065
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	18	7.635.781.202	3.346.342.084
Vay và nợ dài hạn	330		170.748.259.576	154.941.483.878
Vay và nợ dài hạn	334	19	170.748.259.576	154.941.483.878
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		261.691.120.237	238.766.151.252
Vốn chủ sở hữu	410	20	261.691.120.237	238.766.151.252
Vốn cổ phần	411	21	150.000.000.000	150.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417	22	40.965.134.109	33.456.594.220
Quỹ dự phòng tài chính	418	22	12.579.393.654	10.104.631.290
Lợi nhuận chưa phân phối	420		58.146.592.474	45.204.925.742
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	24	27.467.456.071	18.239.426.871
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		1.283.841.616.545	974.922.864.164

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/12/2014	31/12/2013
Vật tư, hàng hóa nhận gia công (VND)	80.423.759.927	48.893.171.952
Ngoại tệ		
• USD	282.815	343.236
• EUR	338	358

Ngày 20 tháng 3 năm 2015, trừ việc điều chỉnh lại và trình bày bổ sung thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất như được trình bày tại Thuyết minh 35 và 3(t) được phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 10 năm 2016

Người lập:

Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu	01	25	2.593.477.506.972	2.454.786.890.739
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	69.985.487	494.317.003
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	25	2.593.407.521.485	2.454.292.573.736
Giá vốn hàng bán	11		2.336.302.159.740	2.217.252.331.489
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		257.105.361.745	237.040.242.247
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	7.166.219.436	9.403.163.626
Chi phí tài chính	22	27	34.242.653.876	33.984.239.975
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.489.392.342	22.736.976.211
Chi phí bán hàng	24		82.536.584.432	70.805.078.175
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		79.717.590.344	86.101.529.091
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		67.774.752.529	55.552.558.632
Thu nhập khác	31	28	9.097.678.533	2.713.483.433
Chi phí khác	32		2.514.994.471	1.754.740.684
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		6.582.684.062	958.742.749
Lỗ chia sẻ từ công ty liên kết	45	11	(3.860.661.972)	(3.433.822.915)
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		70.496.774.619	53.077.478.466
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	6.013.518.434	4.737.776.508
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		64.483.256.185	48.339.701.958
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61		3.522.579.562	2.258.402.137
Chủ sở hữu của Công ty	62		60.960.676.623	46.081.299.821
Lãi trên cổ phiếu		30		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4.064	3.072

Ngày 20 tháng 3 năm 2015, trừ việc điều chỉnh lại và trình bày bổ sung thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất như được trình bày tại Thuyết minh 35 và 3(t) được phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 10 năm 2016

Người lập:

Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	70.496.774.619	53.077.478.466
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	90.982.889.234	76.503.819.823
Các khoản dự phòng	03	38.353.608	1.118.412.209
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.879.814.067	271.003.566
Lỗi từ hoạt động đầu tư	05	2.228.288.106	2.290.660.925
Chi phí lãi vay	06	22.489.392.342	22.736.976.211
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	188.115.511.976	155.998.351.200
Biến động các khoản phải thu	09	(124.168.662.226)	(51.724.336.270)
Biến động hàng tồn kho	10	(95.435.944.764)	37.811.503.081
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	137.729.006.586	(70.023.341.265)
Biến động chi phí trả trước	12	(5.924.135.409)	12.644.430.443
		100.315.776.163	84.706.607.189
Tiền lãi vay đã trả	13	(22.596.471.800)	(22.926.229.470)
Thuế thu nhập đã nộp	14	(5.830.174.294)	(4.794.742.212)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	117.525.540	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.205.099.819)	(4.551.405.362)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	67.801.555.790	52.434.230.145
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(144.716.162.811)	(76.832.984.794)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	958.500.000	467.676.112
Tiền chi đầu tư vào tài khoản tiền gửi tại ngân hàng	23	(3.300.000.000)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(10.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	938.705.024	732.965.809
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(146.118.957.787)	(85.632.342.873)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

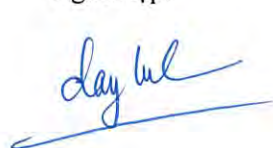
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ vốn góp của cổ đông			
thiếu số của các công ty con	32	7.881.000.000	1.877.500.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	1.903.342.638.577	1.773.576.964.690
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.772.710.218.346)	(1.720.109.857.146)
Tiền trả cổ tức	36	(31.215.321.523)	(30.907.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	107.298.098.708	24.436.907.544
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	28.980.696.711	(8.761.205.184)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	19.317.669.722	28.074.527.675
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	36.647.161	4.347.231
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	48.335.013.594	19.317.669.722

Ngày 20 tháng 3 năm 2015, trừ việc điều chỉnh lại và trình bày bổ sung thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất như được trình bày tại Thuyết minh 35 và 3(t) được phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 10 năm 2016

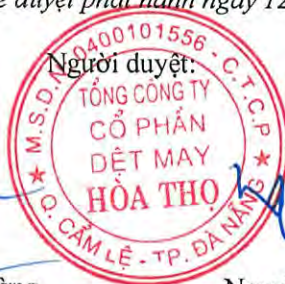
Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con dưới đây và các lợi ích của Tổng Công ty tại các công ty liên kết. Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

Các công ty con của Tổng Công ty gồm:

Công ty con	Hoạt động chính	31/12/2014 và 31/12/2013	
		% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, gia dầy; bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da	76,88%	76,88%
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam (*)	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); bán buôn hàng may mặc, nguyên phụ liệu và máy móc thiết bị ngành may.	32,14%	54%
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); may trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); bán buôn hàng may mặc, nguyên phụ liệu và máy móc thiết bị ngành may.	54,18%	54,18%
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục); bán buôn hàng may mặc, nguyên phụ liệu và máy móc thiết bị ngành may	53,46%	53,46%

(*) Tổng Công ty chỉ sở hữu 32,14% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam, nhưng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam ngày 18 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty có 54% quyền biểu quyết trong các Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam, do đó đây được coi là một công ty con của Tổng Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty và các công ty con có 8.564 nhân viên (31/12/2013: 7.440 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty liên kết này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con tại công ty liên kết.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(iv) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Chi phí đào tạo

Chi phí đào tạo được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 – 3 năm.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tổng Công ty và các công ty con phân loại các công cụ tài chính như sau:

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty và các công ty con xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng Công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tổng Công ty và các công ty con xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tổng Công ty và các công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tổng Công ty và các công ty con có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tổng Công ty và các công ty con xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tổng Công ty và các công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tổng Công ty và các công ty con có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty và các công ty con xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(p) Doanh thu

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) *Dịch vụ gia công*

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Doanh thu từ tiền lãi*

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) *Doanh thu từ cổ tức*

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày cuối năm, Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(t) Báo cáo bộ phận (điều chỉnh lại – Thuyết minh 35)

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban điều hành Tổng Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

(u) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty con, công ty liên kết, cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty và các công ty con, các nhân viên quản lý chủ chốt của Tổng Công ty và các công ty con, các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này và các công ty con và công ty liên kết của các cá nhân này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	259.222.234	243.757.149
Tiền gửi ngân hàng	16.175.791.360	15.058.912.573
Các khoản tương đương tiền	31.900.000.000	4.015.000.000
	48.335.013.594	19.317.669.722

5. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng và hưởng lãi suất từ 7%/năm đến 7,5%/năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

6. Các khoản phải thu ngắn hạn

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các công ty liên quan sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu từ các công ty liên quan - thương mại	3.074.738.337	-

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 187.154 triệu VND (31/12/2013: 115.360 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 14).

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu tiền bảo hiểm xã hội ứng trước cho nhân viên	1.881.786.652	1.063.989.465
Phải thu tiền hỗ trợ nhân viên	1.936.096.272	-
Phải thu khác	4.112.896.651	1.834.469.839
	7.930.779.575	2.898.459.304

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

7. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Hàng mua đang đi trên đường	63.875.076.618	29.660.759.414
Nguyên vật liệu	133.339.261.485	88.721.070.740
Công cụ và dụng cụ	363.273.332	271.478.641
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	142.195.933.374	131.444.582.172
Thành phẩm	68.667.106.705	65.564.412.489
Hàng hóa	1.153.807.546	655.153.437
Hàng gửi đi bán	10.428.855.149	8.269.912.552
	420.023.314.209	324.587.369.445
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(581.299.490)	(6.251.590)
	419.442.014.719	324.581.117.855

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 351.408 triệu VND (31/12/2013: 304.773 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 14).

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	6.251.590	6.251.590
Tăng dự phòng trong năm	575.047.900	-
Số dư cuối năm	581.299.490	6.251.590

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	151.389.662.047	508.953.892.596	27.547.001.847	5.865.403.848	31.214.780.402	724.970.740.740
Tăng trong năm	3.437.812.759	22.233.863.114	527.636.364	531.661.364	3.867.127.492	30.598.101.093
Chuyển từ xây dựng cơ bản đang dở dang (Thuyết minh 10)	51.745.513.795	58.929.650.105	789.008.179	104.700.000	8.028.004.278	119.596.876.357
Phân loại lại	289.999.999	(389.073.337)	338.021.509	-	(238.948.171)	-
Thanh lý	(486.094.903)	(8.630.020.228)	-	-	(1.305.377.200)	(10.421.492.331)
Xóa sổ	-	-	-	(36.489.500)	-	(36.489.500)
Số dư cuối năm	206.376.893.697	581.098.312.250	29.201.667.899	6.465.275.712	41.565.586.801	864.707.736.359
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	56.938.115.935	264.718.545.479	14.118.763.000	4.310.478.046	15.912.460.463	355.998.362.923
Khấu hao trong năm	9.575.014.544	70.701.990.178	3.168.527.489	626.468.254	6.061.804.024	90.133.804.489
Phân loại lại	4.752.778	(13.272.956)	18.523.916	-	(10.003.738)	-
Thanh lý	(278.044.029)	(8.588.239.944)	-	-	(1.305.377.200)	(10.171.661.173)
Xóa sổ	-	-	-	(36.489.500)	-	(36.489.500)
Số dư cuối năm	66.239.839.228	326.819.022.757	17.305.814.405	4.900.456.800	20.658.883.549	435.924.016.739
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	94.451.546.112	244.235.347.117	13.428.238.847	1.554.925.802	15.302.319.939	368.972.377.817
Số dư cuối năm	140.137.054.469	254.279.289.493	11.895.853.494	1.564.818.912	20.906.703.252	428.783.719.620

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 157.920 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 130.043 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 400.786 triệu VND (31/12/2013: 345.740 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho một số khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 14) và dài hạn (Thuyết minh 19) của Tổng Công ty và các công ty con.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

9. Tài sản cố định vô hình

	Tổng cộng VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	3.699.765.643
Tăng trong năm	485.439.981
Số dư cuối năm	4.185.205.624
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.564.828.943
Khấu hao trong năm	708.998.050
Số dư cuối năm	3.273.826.993
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.134.936.700
Số dư cuối năm	911.378.631

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 1.814 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 1.365 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	14.629.194.742	10.859.740.931
Tăng trong năm	113.632.621.737	27.084.476.326
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 8)	(119.596.876.357)	(22.208.204.009)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 12)	(1.051.937.495)	(1.106.818.506)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(91.587.273)	-
Xóa sổ	(15.000.000)	-
Số dư cuối năm	7.506.415.354	14.629.194.742

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn tại:

- Công ty liên kết
 - Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh
 - Công ty Cổ phần VTD Hiệp Đức
- Công ty khác
 - Công ty Cổ phần Bông vải miền Trung
 - Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà
 - Công ty Cổ phần Dệt may Phú Hòa An
 - Công ty Cổ phần Thương mại Chọn
 - Công ty Cổ phần Thương mại Dệt - May
 - Thành phố Hồ Chí Minh

	31/12/2014			31/12/2013		
	Số lượng cổ phiếu	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết
			VND			VND
	850.000	27,23%	42,50%	850.000	27,23%	42,50%
	370.000	37,00%	37,00%	370.000	37,00%	37,00%
			4.905.515.113			8.766.177.085
	85.570	9,37%	9,37%	85.570	9,37%	9,37%
	60.000	10,91%	10,91%	60.000	10,91%	10,91%
	160.000	16,00%	16,00%	160.000	16,00%	16,00%
	135.000	7,86%	7,86%	135.000	7,86%	7,86%
	630.000	14,00%	14,00%	630.000	14,00%	14,00%
			10.705.702.000			10.705.702.000
			15.611.217.113			19.471.879.085

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Chi tiết biến động khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	8.766.177.085	8.500.000.000
Tăng trong năm	-	3.700.000.000
Lỗ từ công ty liên kết	(3.860.661.972)	(3.433.822.915)
	4.905.515.113	8.766.177.085

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ, dụng cụ VND	Chi phí đào tạo VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	9.807.839.616	1.220.909.532	549.287.917	11.578.037.065
Tăng trong năm	13.961.833.019	-	6.876.708.911	20.838.541.930
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10)	453.394.487	524.991.529	73.551.479	1.051.937.495
Phân bổ trong năm	(9.596.118.993)	(1.043.207.032)	(3.330.943.175)	(13.970.269.200)
Số dư cuối năm	14.626.948.129	702.694.029	4.168.605.132	19.498.247.290

13. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.400.866.953
Giá trị phân bổ lũy kế	
Số dư đầu năm	350.216.738
Phân bổ trong năm	140.086.695
Số dư cuối năm	490.303.433
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	1.050.650.215
Số dư cuối năm	910.563.520

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

14. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	425.558.276.900	325.637.759.996
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19)	54.295.385.956	36.736.088.982
	479.853.662.856	362.373.848.978

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (i)	USD	1,8% - 2,6%	114.566.066.151	56.221.436.179
Ngân hàng TMCP Ngoại thương (ii)	USD	1,8% - 2,8%	94.748.488.430	43.499.615.915
Ngân hàng TMCP Công thương (i)	USD	1,8% - 2,8%	74.028.853.760	33.985.281.510
Ngân hàng Far East National Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ii)	USD	1,8% - 1,95%	42.834.926.305	-
Ngân hàng HSBC (i)	USD	1,9% - 2,8%	22.698.393.653	51.171.798.361
Ngân hàng Indovina (i)	USD	1,85% - 2,8%	22.642.685.571	15.628.606.154
Ngân hàng ANZ (i)	USD	1,9% - 2,5%	17.822.856.945	47.112.492.285
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương (i)	USD	1,8% - 2,8%	15.952.814.055	15.996.411.382
Ngân hàng Quốc tế - Chi nhánh Đà Nẵng (i)	USD	1,8% - 2,8%	11.796.186.091	43.047.260.341
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	USD	1,9% - 2,8%	7.896.882.939	17.984.724.422
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Quảng Nam (i)	VND	7%	437.952.000	886.357.447
Vay từ ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	6% - 8%	132.171.000	103.776.000
			425.558.276.900	325.637.759.996

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu (Thuyết minh 6), hàng tồn kho (Thuyết minh 7) và tài sản cố định của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 8).
- (ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.791.513.176	2.473.709.003
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.721.681.997	2.538.337.857
Thuế thu nhập cá nhân	13.991.058	280.669.355
Các loại thuế khác	29.001.364	5.216.962
	5.556.187.595	5.297.933.177

16. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí hoạt động	5.802.541.088	9.677.932.814
Chi phí lãi vay	616.097.958	723.177.416
Chi phí khác	197.289.075	2.125.994.865
	6.615.928.121	12.527.105.095

17. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn	5.638.712.706	4.499.478.774
Bảo hiểm xã hội	1.151.215.871	294.652.557
Bảo hiểm y tế	283.824.443	13.037.199
Cổ tức phải trả	618.923.080	-
Các khoản phải trả khác	5.377.206.324	6.292.950.535
	13.069.882.424	11.100.119.065

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

18. Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty và các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con.

Biến động của quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	3.346.342.084	3.635.866.673
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm (Thuyết minh 20 và 24)	8.377.013.397	4.023.482.773
Tăng khác	117.525.540	238.398.000
Sử dụng quỹ trong năm	(4.205.099.819)	(4.551.405.362)
Số dư cuối năm	7.635.781.202	3.346.342.084

19. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay dài hạn (i)	218.939.512.532	184.048.439.860
Nợ dài hạn khác (ii)	6.104.133.000	7.629.133.000
	225.043.645.532	191.677.572.860
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14)	(54.295.385.956)	(36.736.088.982)
Hoàn trả sau 12 tháng	170.748.259.576	154.941.483.878

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(i) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ dài hạn là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Khoản vay 1	USD	4,5%	2021	48.393.758.568	-
Khoản vay 2	VND	8,4%	2019	47.607.635.988	55.547.635.988
Khoản vay 3	USD	6%	2018	34.049.396.187	33.585.586.128
Khoản vay 4	USD	5,5%	2018	22.568.863.161	28.622.139.744
Khoản vay 5	USD	5,5%	2020	16.481.960.397	19.244.404.368
Khoản vay 6	VND	9,8% - 10,7%	2018	9.900.239.780	2.498.087.800
Khoản vay 7	USD	3%	2017	8.972.460.000	11.800.320.000
Khoản vay 8	USD	6%	2018	7.623.301.098	7.519.458.912
Khoản vay 9	VND	9,2%	2019	6.959.360.000	-
Khoản vay 10	VND	10,6%	2016	4.549.995.000	7.149.999.000
Khoản vay 11	USD	5,2%	2016	3.842.294.918	4.147.745.892
Khoản vay 12	USD	5,2%	2016	2.182.619.684	3.399.299.218
Khoản vay 13	VND	11%	2018	1.878.205.098	2.420.205.098
Khoản vay 14	VND	0%	2015	1.158.386.000	5.258.386.000
Khoản vay 15	VND	8,5%	2021	1.013.875.000	-
Khoản vay 16	USD	5,8%	2015	703.910.850	1.737.386.400
Khoản vay 17	USD	5%	2017	589.673.703	-
Khoản vay 18	USD	5,5%	2016	463.577.100	731.619.840
Khoản vay 19	USD	6,4%	2014	-	281.732.640
Khoản vay 20	USD	6%	2014	-	79.504.656
Khoản vay 21	USD	6%	2014	-	24.928.176
				218.939.512.532	184.048.439.860

Các khoản vay dài hạn là từ các ngân hàng trong nước và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 8).

(ii) Nợ dài hạn khác thể hiện khoản nợ dài hạn của Tổng Công ty đối với Ban Quản lý cơ sở hạ tầng tỉnh Quảng Trị. Khoản nợ dài hạn này không phải chịu lãi, không được đảm bảo và được hoàn trả định kỳ mỗi năm hai lần, mỗi lần 762,5 triệu VND, cho đến hết năm 2018.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

20. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	150.000.000.000	25.690.869.377	5.538.018.129	44.636.069.026	225.864.956.532
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	46.081.299.821	46.081.299.821
Phân bổ vào các quỹ	-	7.765.724.843	4.566.613.161	(12.332.338.004)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	-	(3.180.105.101)	(3.180.105.101)
Cổ tức	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	150.000.000.000	33.456.594.220	10.104.631.290	45.204.925.742	238.766.151.252
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	60.960.676.623	60.960.676.623
Phân bổ vào các quỹ	-	7.508.539.889	2.474.762.364	(9.983.302.253)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	-	(8.035.707.638)	(8.035.707.638)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	150.000.000.000	40.965.134.109	12.579.393.654	58.146.592.474	261.691.120.237

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2014 và 31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	15.000.000	150.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

22. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

(b) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được trích lập đến khi quỹ dự phòng bằng 25% vốn cổ phần của Tổng Công ty.

23. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 8 tháng 5 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức trị giá 30.000 triệu VND cho các cổ đông (tương đương 20% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013) (Thuyết minh 20).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

24. Lợi ích cổ đông thiểu số

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	18.239.426.871	15.854.602.406
Vốn góp	7.881.000.000	1.877.500.000
Lợi nhuận thuần trong năm	3.522.579.562	2.258.402.137
Cổ tức	(1.834.244.603)	(907.700.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 18)	(341.305.759)	(843.377.672)
	27.467.456.071	18.239.426.871

25. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu	2.593.477.506.972	2.454.786.890.739
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(10.282.950)	-
▪ Giảm giá hàng bán	(59.702.537)	(494.317.003)
	(69.985.487)	(494.317.003)
Doanh thu thuần	2.593.407.521.485	2.454.292.573.736

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi	257.705.024	492.965.809
Cổ tức được chia	681.000.000	240.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.169.958.956	8.635.847.897
Doanh thu hoạt động tài chính khác	57.555.456	34.349.920
	7.166.219.436	9.403.163.626

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

27. Chi phí tài chính

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay	22.489.392.342	22.736.976.211
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(39.163.991)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.873.393.412	11.013.461.623
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.879.814.067	271.003.566
Chi phí tài chính khác	54.055	1.962.566
	34.242.653.876	33.984.239.975

28. Thu nhập khác

	2014 VND	2013 VND
Tiền thu do thanh lý tài sản	958.500.000	467.676.112
Thu nhập từ bán phế liệu	1.510.928.051	-
Giảm công nợ đối với nhà cung cấp	4.266.606.499	-
Các khoản mục khác	2.361.643.983	2.245.807.321
	9.097.678.533	2.713.483.433

29. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	6.013.518.434	4.555.217.834
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	182.558.674
	6.013.518.434	4.737.776.508

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	70.496.774.619	53.077.478.466
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	7.049.677.462	5.307.747.847
Ưu đãi thuế	(2.956.203.509)	(2.410.837.058)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	591.802.543	576.255.051
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	955.487.390	406.669.495
Chi phí không được khấu trừ thuế	342.060.072	480.389.255
Thu nhập không bị tính thuế	(68.100.000)	(24.000.000)
Giảm thuế	(380.662.586)	(113.390.000)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	479.457.062	332.383.244
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	182.558.674
	6.013.518.434	4.737.776.508

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất trong khoảng từ 10% đến 22% trên lợi nhuận tính thuế (2013: 10% đến 25%).

(i) Đối với Tổng Công ty

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 - 2021) và 20% cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22% (2013: 25%) cho năm 2014 và 2015, và 20% từ năm 2016.

(ii) Đối với các công ty con

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, các công ty con có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế (2013: 25%).

Theo quy định của Luật Sửa đổi Bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013, mức thuế suất thuế thu nhập của các công ty con được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty là 60.960.676.623 VND (2013: 46.081.299.821 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 15.000.000 cổ phiếu (2013: 15.000.000 cổ phiếu).

31. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tổng Công ty và các công ty con có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tổng Công ty và các công ty con sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty và các công ty con chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban điều hành giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tổng Công ty và các công ty con như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tổng Công ty và các công ty con gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban điều hành có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tổng Công ty và các công ty con. Ban điều hành có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty và các công ty con.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty và các công ty con được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng Công ty và các công ty con gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tổng Công ty và các công ty con. Tổng Công ty và các công ty con, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tổng Công ty và các công ty con nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi tại các tổ chức tài chính.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	48.075.791.360	19.073.912.573
Các khoản đầu tư ngắn hạn	(i)	3.300.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	288.806.566.208	181.584.152.422
		340.182.357.568	200.658.064.995

(i) *Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn*

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn của Tổng Công ty và các công ty con chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tổng Công ty và các công ty con.

(ii) *Phải thu khách hàng và phải thu khác*

Rủi ro tín dụng của Tổng Công ty và các công ty con chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban điều hành của Tổng Công ty và các công ty con đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tổng Công ty và các công ty con đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban điều hành. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 đến 35 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá thời hạn này được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tổng Công ty và các công ty con không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu là khoản phải thu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tổng Công ty và các công ty con. Ban điều hành tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	1.859.196.172	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	15.849.078.661	409.325.398
Quá hạn trên 180 ngày	4.963.714.507	-
	22.671.989.340	409.325.398

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	1.462.651.749	305.075.549
Tăng dự phòng trong năm	70.541.827	1.157.576.200
Hoàn nhập dự phòng	(607.236.119)	-
Số dư cuối năm	925.957.457	1.462.651.749

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tổng Công ty và các công ty con không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tổng Công ty và các công ty con là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tổng Công ty và các công ty con luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tổng Công ty và các công ty con.

Tại ngày báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

31/12/2014	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Đồng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND
Phải trả người bán và phải trả khác	213.965	213.965	213.965	-	-	-
Vay ngắn hạn	425.558	427.462	427.462	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	225.044	265.301	66.394	61.002	124.615	13.290
	864.567	906.728	707.821	61.002	124.615	13.290
31/12/2013	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Đồng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND
Phải trả người bán và phải trả khác	111.131	111.131	111.131	-	-	-
Vay ngắn hạn	325.638	328.874	328.874	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	191.678	226.662	45.489	56.227	112.785	12.161
	628.447	666.667	485.494	56.227	112.785	12.161

Tổng Công ty và các công ty con quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty và các công ty con có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”) và Euro (“EUR”).

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty và các công ty con có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	282.815	343.236
Phải thu khách hàng	12.389.754	7.951.294
Tài sản ngắn hạn khác	-	22.539
Phải trả người bán	(6.054.451)	(2.665.838)
Vay ngắn hạn	(19.893.655)	(15.406.588)
Vay dài hạn	(6.828.246)	(5.275.917)
	(20.103.783)	(15.031.274)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
USD/VND	21.363	21.072

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần hợp nhất của Tổng Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần hợp nhất VND
31/12/2014	
USD (mạnh thêm 1% so với VND)	(4.080.032.604)
31/12/2013	
USD (mạnh thêm 1% so với VND)	(3.009.020.554)

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần hợp nhất của Tổng Công ty.

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, 208.809 triệu VND vay dài hạn của Tổng Công ty và các công ty con chịu lãi suất thả nổi (31/12/2013: 166.990 triệu VND). Tổng Công ty và các công ty con không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tổng Công ty và các công ty con như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản đầu tư ngắn hạn	3.300.000.000	-
Vay ngắn hạn	(132.171.000)	(103.776.000)
Vay dài hạn	(10.130.846.000)	(17.058.706.000)
	(6.963.017.000)	(17.162.482.000)
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Vay ngắn hạn	(425.426.105.900)	(325.533.983.996)
Vay dài hạn	(208.808.666.532)	(166.989.733.860)
	(634.234.772.432)	(492.523.717.856)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 6.025 triệu VND lợi nhuận thuần hợp nhất của Tổng Công ty (2013: 4.678 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán hợp nhất, như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	48.335	48.335	19.318	19.318
- Các khoản đầu tư ngắn hạn	3.300	(*)	-	-
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	288.807	(*)	181.584	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(213.965)	(*)	(111.131)	(*)
- Vay ngắn hạn	(425.558)	(*)	(325.638)	(*)
- Vay và nợ dài hạn	(225.044)	(*)	(191.678)	(*)
	(524.125)	(*)	(427.545)	(*)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các khoản tiền và các khoản tương đương tiền được xác định bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của những khoản này.

(*) Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2014 VND	2013 VND
Công ty mẹ - Công ty TNHH MTV Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Cổ tức công bố và đã trả	21.484.964.000	21.484.964.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Mua hàng hóa dịch vụ	24.116.718.688	15.610.753.622
Công ty Cổ phần VTD Hiệp Đức		
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.006.653.907	193.537.384
Góp vốn	-	3.700.000.000
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		
Bán hàng hóa và dịch vụ	3.009.359.373	887.066.726
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.110.449.797	159.207.700
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
Bán hàng hóa và dịch vụ	8.204.878.361	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú		
Bán hàng hóa và dịch vụ	966.199.296	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.123.800.484	-
Công ty TNHH Coast Phong Phú		
Mua hàng hóa và dịch vụ	15.410.011.604	14.690.064.828
Công ty Cổ phần Dệt Vải Phong Phú		
Bán hàng hóa và dịch vụ	11.306.208.292	26.137.093.363
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.836.567.545	696.528.655
Mua hàng hóa và dịch vụ	6.257.921.055	664.721.244
Công ty TNHH May Vinatex Hương Trà		
Bán hàng hóa và dịch vụ	3.318.107.500	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	313.536.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành		
Lương	5.959.981.619	6.101.866.935
Thưởng	1.062.220.031	1.087.669.906

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

33. Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Tổng Công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	201.000.000.000	102.600.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	28.500.000.000
	201.000.000.000	131.100.000.000

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.402.430.654.469	1.397.097.415.234
Chi phí nhân công	565.208.173.696	495.388.153.603
Chi phí khấu hao	90.982.889.234	76.363.733.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	435.426.402.023	356.827.923.632

35. Báo cáo bộ phận (điều chỉnh lại)

Sau khi phát hành báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 vào ngày 20 tháng 3 năm 2015, Ban điều hành Tổng Công ty đã đánh giá lại và quyết định điều chỉnh lại và trình bày bổ sung thuyết minh về báo cáo bộ phận như sau:

Như được trình bày trước đây

Tóm tắt chính sách kế toán chủ yếu - Báo cáo bộ phận (Thuyết minh 3(t) trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2015)

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam với các điều kiện kinh tế, chính trị và các quy định như nhau.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Điều chỉnh lại

Tóm tắt chính sách kế toán chủ yếu - Báo cáo bộ phận (Thuyết minh 3(t) trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 này)

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban điều hành Tổng Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Báo cáo bộ phận chia theo vùng địa lý (trình bày bổ sung)

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Việt Nam
- Vương quốc Anh
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Các vùng khác

	Trung Quốc		Hoa Kỳ		Việt Nam		Vương quốc Anh		Nhật Bản		Châu Phi		Các vùng địa lý khác		Hợp nhất	
	2014 VND'000	2013 VND'000	2014 VND'000	2013 VND'000	2014 VND'000	2013 VND'000	2014 VND'000	2013 VND'000	2014 VND'000	2013 VND'000	2014 VND'000	2013 VND'000	2014 VND'000	2013 VND'000	2014 VND'000	2013 VND'000
Tổng doanh thu của bộ phận	710.534.259	587.429.921	307.223.581	474.158.203	351.769.892	378.579.271	347.406.245	250.971.690	196.397.807	148.238.002	249.835.644	238.786.035	455.310.079	376.603.769	2.593.477.507	2.454.786.891
Kết quả kinh doanh của bộ phận	31.408.987	16.804.158	52.369.307	62.057.988	62.764.462	69.762.198	32.236.567	17.628.425	19.107.261	17.934.456	27.735.647	23.547.348	31.483.131	29.305.669	257.105.362	237.040.242
Thu nhập không phân bổ															7.166.219	9.403.164
Chi phí không phân bổ															200.357.491	194.324.670
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh															63.914.090	52.118.736
Thu nhập khác															9.097.678	2.713.483
Chi phí khác															2.514.994	1.754.741
Thuế thu nhập doanh nghiệp															6.013.518	4.737.777
Lợi nhuận thuần sau thuế															64.483.256	48.339.701

